

Số: /MYH26/VHU/HĐTS/TB

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Điểm xét tuyển đại học chính quy đợt 1 năm 2026
theo kết quả thi tốt nghiệp năm 2026, kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
và điểm thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Tp. HCM

Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học Trường Đại học Văn Hiến (DVH) thông báo điểm xét tuyển đại học chính quy đợt 1 năm 2026 theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026, kết quả học bạ THPT và điểm thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Tp. HCM như sau:

I. Phương thức tuyển sinh và điểm sàn xét tuyển

1. Theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn xét tuyển
1.	Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh thương mại - Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh - Tiếng Anh biên - phiên dịch - Tiếng Anh quan hệ quốc tế	7220201	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D11	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
2.	Ngôn ngữ Pháp - Tiếng Pháp thương mại	7220203	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D11	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
3.	Ngôn ngữ Trung Quốc - Tiếng Trung thương mại - Tiếng Trung biên - phiên dịch Ngôn ngữ Trung Quốc - Liên kết quốc tế, Trường ĐH Dân tộc Quảng Tây cấp bằng	7220204	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D11	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
4.	Ngôn ngữ Nhật - Tiếng Nhật thương mại - Tiếng Nhật giảng dạy - Tiếng Nhật biên - phiên dịch	7220209	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15
			C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D11	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn xét tuyển
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
5.	Văn học - Văn - Quản trị văn phòng - Giảng dạy văn học - Văn - Truyền thông	7229030	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	15
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
6.	Kinh tế - Kinh doanh quốc tế - Kinh tế số	7310101	X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	15
			A00	Toán, Vật lý, Hóa học	
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
7.	Quan hệ quốc tế - Đối ngoại - Hợp tác quốc tế - Truyền thông quốc tế	7310206	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D11	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
8.	Xã hội học - Xã hội học truyền thông đại chúng - Xã hội học quản trị nhân sự và tổ chức xã hội	7310301	X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	15
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
			C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
9.	Tâm lý học - Tham vấn và trị liệu tâm lý - Tham vấn tâm lý và quản trị nhân sự	7310401	X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	15
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh	

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn xét tuyển
				tế và pháp luật	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
10.	Đông phương học - Nhật Bản học - Hàn Quốc học	7310608	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15
			C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			D78	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	
			D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
11.	Trung Quốc học - Trung Quốc học	7310612	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15
			C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
			C07	Ngữ văn, Vật lý, Lịch sử	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D10	Toán, Địa lý, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
12.	Việt Nam học - Việt Nam học	7310630	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	15
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
13.	Truyền thông đa phương tiện - Sản xuất phim và quảng cáo - Công nghệ truyền thông	7320104	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	15
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn xét tuyển
14.	Quan hệ công chúng <i>- Truyền thông và sáng tạo nội dung</i> <i>- Tổ chức sự kiện</i>	7320108	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	15
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
15.	Quản trị kinh doanh <i>- Quản trị kinh doanh tổng hợp</i> <i>- Quản trị dự án</i>	7340101	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
16.	Marketing <i>- Marketing truyền thông</i> <i>- Quản trị Marketing</i> <i>- Digital Marketing</i>	7340115	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
17.	Kinh doanh thương mại <i>- Kinh doanh thương mại</i>	7340121	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
18.	Thương mại điện tử <i>- Thương mại điện tử</i>	7340122	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
19.	Tài chính - Ngân hàng <i>- Tài chính doanh nghiệp</i> <i>- Tài chính ngân hàng</i>	7340201	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn xét tuyển
20.	Công nghệ tài chính - Công nghệ tài chính	7340205	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
21.	Kế toán - Kế toán	7340301	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
22.	Kiểm toán - Kiểm toán	7340302	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
23.	Quản trị nhân lực - Quản trị nhân lực	7340404	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
24.	Luật - Luật dân sự - Luật thương mại quốc tế - Luật tài chính ngân hàng	7380101	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	20
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			C07	Ngữ văn, Vật lý, Lịch sử	
			X17	Toán, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
25.	Luật Kinh tế - Luật Kinh tế	7380107	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	20
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			C07	Ngữ văn, Vật lý, Lịch sử	
			X17	Toán, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
26.	Công nghệ sinh học	7420201	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn xét tuyển
	- Công nghệ sinh học y sinh - Công nghệ sinh học nông nghiệp (vật nuôi, thủy sản, cây trồng)		A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A02	Toán, Vật lý, Sinh học	
			B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
			B01	Toán, Sinh học, Lịch sử	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			X18	Toán, Lịch sử, Tin học	
			X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
27.	Khoa học máy tính - Khoa học dữ liệu - Hệ thống thông tin	7480101	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý	
			C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học	
			C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	
			C04	Toán, Ngữ văn, Địa lý	
			D15	Toán, Ngữ văn, Địa lý	
	Mạng máy tính và Truyền thông - Mạng máy tính và Truyền thông - An toàn thông tin	7480102	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý	
			C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học	
			C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	
			C04	Toán, Ngữ văn, Địa lý	
			D15	Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý	
29.	Công nghệ thông tin - Thiết kế đồ họa/game/Multimedia - Công nghệ phần mềm	7480201	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý	
			C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học	
			C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	
			C04	Toán, Ngữ văn, Địa lý	
			D15	Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý	
	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A03	Toán, Vật lý, Lịch sử	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	
			C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
31.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông - Kỹ thuật Điện tử - viễn thông - Hệ thống nhúng và IoT - Thiết kế vi mạch	7520207	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	15
			A00	Toán, Vật lý, Hóa học	
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A02	Toán, Vật lý, Sinh học	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			B02	Toán, Sinh học, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
32.	Kỹ thuật môi trường - Kỹ thuật môi trường	7520320	X18	Toán, Lịch sử, Tin học	15
			X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
			A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn xét tuyển
			A02	Toán, Vật lý, Sinh học	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			B02	Toán, Sinh học, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			X18	Toán, Lịch sử, Tin học	
			X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
33.	Công nghệ thực phẩm - Công nghệ thực phẩm - Công nghệ chế biến thực phẩm	7540101	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	15
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A02	Toán, Vật lý, Sinh học	
			B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
			B01	Toán, Sinh học, Lịch sử	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			X18	Toán, Lịch sử, Tin học	
34.	Kỹ thuật xây dựng - Kỹ thuật xây dựng	7580201	X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	15
			A00	Toán, Vật lý, Hóa học	
			A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
			A02	Toán, Vật lý, Sinh học	
			A04	Toán, Vật lý, Địa lý	
			B02	Toán, Sinh học, Địa lý	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			X18	Toán, Lịch sử, Tin học	
35.	Điều dưỡng - Điều dưỡng	7720301	X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	18
			B01	Toán, Sinh học, Lịch sử	
			B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	
			C02	Toán, Ngữ văn, Hóa học	
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
			X13	Toán, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
36.	Du lịch - Quản trị du lịch - Quản trị sự kiện	7810101	X66	Ngữ văn, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	15
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
37.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị lữ hành - Hướng dẫn du lịch	7810103	X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	15
			C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh	

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn xét tuyển
				tế và pháp luật	
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
38.	Quản trị khách sạn - <i>Quản trị khách sạn - Khu du lịch</i>	7810201	C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	15
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
39.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - <i>Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống</i>	7810202	C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	15
			C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
			D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
			D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
40.	Thanh nhạc - <i>Thanh nhạc thính phòng</i> - <i>Thanh nhạc nhạc nhẹ</i>	7210205	N00	Ngữ văn	5
				Thi tuyển môn cơ sở ngành	5
				Thi tuyển môn chuyên ngành	7
41.	Piano - <i>Piano cổ điển</i> - <i>Piano ứng dụng</i> - <i>Sản xuất âm nhạc</i> - <i>Giảng dạy âm nhạc</i>	7210208	N00	Ngữ văn	5
				Thi tuyển môn cơ sở ngành	5
				Thi tuyển môn chuyên ngành	7
42.	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình - <i>Đạo diễn điện ảnh, truyền hình</i> - <i>Quay phim</i>	7210235	C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	15
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			M20	Ngữ văn, Vật lý	10
				Năng khiếu Ảnh báo chí	7
			M21	Ngữ văn, Lịch sử	10
				Năng khiếu Ảnh báo chí,	7
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	15
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	
43.	Công nghệ điện ảnh, truyền hình - <i>Sản xuất phim điện ảnh -</i>	7210302	C00	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý	15
			D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
			H01	Toán, Ngữ văn	10

TT	Ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn xét tuyển
	truyền hình - Dựng phim - Thiết kế mỹ thuật điện ảnh, sân khấu - Công nghệ hoạt hình			Năng khiếu vẽ	7
			V00	Toán, Vật lý	10
				Năng khiếu vẽ	7
			X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	15
			X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	
			X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	

Ghi chú:

- Điểm xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026 áp dụng cho thí sinh thuộc khu vực 3;
- Điểm sàn ngành Luật, Luật kinh tế, Điều dưỡng không tính điểm cộng.

2. Theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

- **Hình thức 1:** Xét điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tổ hợp 3 môn xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có) + điểm cộng (nếu có) **đạt từ 18,00 điểm.**

- **Hình thức 2:** Xét điểm xét tốt nghiệp năm 2026 **đạt từ 6.0đ**; ngành Luật, Luật kinh tế **đạt từ 8.50đ**; ngành Điều dưỡng **đạt từ 6.50đ.**

- **Hình thức 3:** Xét điểm trung bình cả năm lớp 12 nhân hệ số 3 + điểm ưu tiên (nếu có) + điểm cộng (nếu có) **đạt từ 18,00 điểm** (dành cho thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2026).

Lưu ý:

- Với tất cả các phương thức xét tuyển, thí sinh cần đạt tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT 2026 theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt từ 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

- **Ngành Luật, Luật Kinh tế:** Kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên; hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên; hoặc tổ hợp môn xét tuyển học bạ đạt từ 18,0 điểm. Đồng thời môn Toán, môn Văn đạt từ 6,0đ.

- **Ngành Điều dưỡng:** Kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 xếp loại từ khá trở lên và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,50 trở lên; hoặc tổ hợp môn xét tuyển học bạ đạt từ 19,0 điểm.

- **Ngành Thanh nhạc và ngành Piano:** Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của môn Văn của đạt từ 5,00đ và tham dự kỳ thi riêng do Trường tổ chức gồm môn cơ sở và chuyên ngành.

- **Ngành Đạo diễn điện ảnh, truyền hình và Công nghệ điện ảnh, truyền hình:** Có tổ hợp là M20, M21, V00, H01: Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của 02 môn đạt từ 12,00 điểm và tham dự kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức.

- Đối với các tổ hợp môn xét tuyển có môn ngoại ngữ (Anh, Hàn, Nhật, Pháp, Đức, Nga, Trung), thí sinh có thể dùng chứng chỉ ngoại ngữ để xét tuyển thay thế môn Ngoại ngữ đó.

- Thí sinh xem bảng quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ dùng cho các tổ hợp xét tuyển và điểm khuyến khích **tại đây**.

3. Theo kết quả xét tuyển kết hợp thi tuyển

- Xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT (học bạ) và kết quả thi tuyển môn năng khiếu.
- Xét tuyển kết hợp kết quả thi Tốt nghiệp THPT 2026 và kết quả thi tuyển môn năng khiếu.

4. Theo kết quả thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia Tp. HCM

Xét từ 600 điểm cho tất các ngành (trừ Điều dưỡng, Piano, Thanh nhạc).

II. Thời gian, địa điểm và thủ tục xét tuyển.

- Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 14/7/2026.
- Hồ sơ xét tuyển bao gồm:
 - + Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu của Trường Đại học Văn Hiến.
 - + Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp THPT (*nếu đã tốt nghiệp THPT*).
 - + Bản sao học bạ THPT.
 - + Bản sao Chứng chỉ ngoại ngữ và các loại giấy tờ để được cộng Điểm thưởng, Điểm xét thưởng, Điểm khuyến khích (nếu có).
 - + Bản sao Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).
- **Địa điểm đăng ký xét tuyển:**
 - + Cơ sở Harmony Campus, số 624 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Tp. HCM
 - + Cơ sở MyU Campus, số 665 - 667 - 669 Điện Biên Phủ, phường Bàn Cờ, Tp. HCM
 - + Cơ sở HungHau Campus: Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Tp. HCM

III. Chính sách hỗ trợ thí sinh

1. Chính sách học phí

a) Mức hỗ trợ trong trường hợp đóng trước

- Đóng hết 01 năm học phí: giảm 10%.
- Đóng hết 02 năm học phí: giảm 15%.
- Đóng hết 03 năm học phí: giảm 20%.
- Đóng học phí toàn khóa: giảm 25%.

b) Học tập suốt đời

- 26 - 30 tuổi: giảm 35%.
- 31 - 40 tuổi: giảm 50%.
- 41 - 50 tuổi: giảm 70%.
- 51 - 60 tuổi: giảm 85%.
- > 60 tuổi: miễn HP 100%.

c) Anh chị em ruột: SV có Anh/Chị/Em ruột đã từng học hoặc đang học cùng trường được giảm 20% học phí toàn khóa học (áp dụng cho 01 người).

2. Học bổng

a) Học bổng tài năng

- Miễn 100% học phí toàn khóa đối với 01 Thủ khoa đầu vào cấp trường và thí sinh đạt giải cấp Quốc gia trở lên thuộc các lĩnh vực: thể thao, nghệ thuật, khoa học công nghệ - kỹ thuật.
- Giảm 50% học phí toàn khóa đối với 02 Á khoa đầu vào cấp trường;
- Giảm 30% học phí đối với Thủ khoa đầu vào các ngành đào tạo.

b) Học bổng Tinh hoa Văn Hiến

Dành cho thí sinh có kết quả đầu vào nổi bật, xét từ trên xuống theo điểm trúng tuyển của các hình thức xét tuyển.

- 02 suất 80% HP toàn khóa;
- 05 suất 40% HP toàn khóa;
- 30 suất 20% HP toàn khóa.

c) Học bổng đồng hành

Xét theo kết quả học tập trung bình cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 của tổ hợp 03 môn xét tuyển (cộng điểm ưu tiên và điểm cộng nếu có):

- Từ 18 đến dưới 25 điểm: nhận 30% học phí học kỳ 1;
- Từ 25 đến 30 điểm: nhận 50% học phí học kỳ 1.

d) Học bổng Công dân toàn cầu: Miễn 100% học phí năm thứ nhất (tối thiểu 30 tín chỉ) dành cho thí sinh có IELTS xét từ 6.5 trở lên hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương.

e) Học bổng Doanh nhân

- Điểm trung bình lớp 12 đạt từ loại Khá trở lên.
- Hỗ trợ 100% học phí năm thứ nhất với thí sinh thuộc diện hộ nghèo hoặc có xác nhận địa phương
- Hỗ trợ 50% học phí năm thứ nhất với thí sinh thuộc diện hộ cận nghèo hoặc có xác nhận địa phương

f) Học bổng chấp cánh ước mơ: Chương trình học bổng áp dụng cho Tân sinh viên hoàn cảnh khó khăn và nguyện vọng tạo lập tương lai.

g) Học bổng đồng hành cùng Hùng Hậu: Chương trình học bổng áp dụng cho sinh viên có người thân là giảng viên, cán bộ, nhân viên của Trường Đại học Văn Hiến, cán bộ nhân viên của Hùng Hậu và đối tác quan trọng của Trường Đại học Văn Hiến.

h) Học bổng cán bộ Đoàn - Hội: Chương trình học bổng áp dụng cho sinh viên tham gia tích cực vào các phong trào cũng như tham gia các hoạt động thiện nguyện của Nhà trường.

i) Học bổng khuyến học: Chương trình học bổng áp dụng cho sinh viên căn cứ kết quả học tập hàng năm theo quy chế đào tạo hiện hành của Nhà trường.

j) Học bổng Hoàng Như Mai: Chương trình học bổng áp dụng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và có kết quả học tập xếp loại khá trở lên.

k) Các dịch vụ all-in-one: tặng balo, đồng phục thể dục; miễn phí giữ xe và một số dịch vụ hành chính sinh viên.

Lưu ý:

- Các chương trình học bổng, chính sách hỗ trợ được Nhà trường tổ chức xét duyệt hàng năm.
- Trong trường hợp, sinh viên thuộc diện được hưởng nhiều chương trình học bổng, chính sách hỗ trợ cùng lúc thì chỉ áp dụng mức cao nhất.

Thí sinh xem thông tin chi tiết về học phí, chính sách học bổng, các hỗ trợ dành cho sinh viên, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất của Nhà trường tại website <http://tuyensinh.vhu.edu.vn/>

Tổng đài tư vấn tuyển sinh miễn phí: **1800 1568**. Email: **tuyensinh@vhu.edu.vn**.

Nơi nhận:

- TT. HĐT, BDH (đề b/c);
- Các đơn vị trong Trường (đề t/h);
- Đăng tải website;
- Lưu: VT, TT, TVTT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

Đã ký

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC
PGS. TS. Trần Huy Hoàng**